

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13/7/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lã Thị Phương và ông Hoàng Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Tịch - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 58, K3, Trại giam P 4, Bộ Công an. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/12/2022, bản tự khai ngày 29/3/2023 và biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2023 nguyên đơn Hoàng Thị Đ trình bày: Chị và anh Hoàng Văn Q kết hôn và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương sau đó mới đăng ký kết hôn ngày 22/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau kết hôn, chị về nhà chồng sinh sống tại xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng và có 03 con chung: Hoàng Thị T, sinh ngày 17/12/2009, Hoàng Thanh Th, sinh ngày 13/5/2015, Hoàng Hồng L, sinh ngày 01/10/2016. Đến tháng 02 năm 2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q thực hiện hành vi hiếp dâm cháu gái tôi, một việc trái đạo đức, ảnh hưởng đến danh dự của cả gia đình, bị xã hội lên án. Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại đội 58, phân trại số 3, trại giam P 4, Bộ Công an. Nay tôi không còn tình cảm với anh Q và không mong muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Q. Mong Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: gồm 01 căn nhà xây cấp 4; 01 đám ruộng; 02 đám rẫy. Tất cả tài sản để lại cho con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023, bị đơn Hoàng Văn Q xác nhận các vấn đề về tình cảm, con cái, tài sản chung như chị Đ trình bày là đúng. Nay chị Đ yêu cầu được ly hôn anh Q nhất trí ly hôn, yêu cầu của chị Đ được trực tiếp nuôi 03 con chung anh đồng ý không có ý kiến gì. Anh Q đang chấp hành án nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2023 cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 17/12/2009 và cháu Hoàng Thanh Th, sinh ngày 13/5/2015 trình bày: Cháu là con bố Q, mẹ Đ. Cháu biết được hiện nay mẹ cháu đang yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn không ở với nhau nữa, cháu có nguyện vọng ở cùng mẹ vì hiện nay bố cháu đang chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Tại phiên tòa: Chị Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Q, được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39, Điều 271 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Đ được ly hôn với anh Hoàng Văn Q;

- Về con chung: Giữa chị Đ và anh Q có 03 con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 17/12/2009, Hoàng Thanh Th, sinh ngày 13/5/2015, Hoàng Hồng L, sinh ngày 01/10/2016 hiện đang ở cùng chị Đ. Do anh Q đang chấp hành án phạt tù nên giao các cháu cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn Hoàng Văn Q có hộ khẩu thường trú và trước khi bị bắt tạm giam thì cư trú tại: Xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Hoàng Văn Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy đã có lời khai trong hồ sơ và việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Hoàng Thị Đ yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Văn Q, được nuôi ba con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Đ và anh Hoàng Văn Q tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2008. Sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 22/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Đ và anh Q là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Tuy nhiên, sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn xảy ra mâu thuẫn nên cuộc sống không được hòa thuận, hạnh phúc; anh Q thực hiện hành vi hiếp dâm cháu gái của chị Đ, một việc trái đạo đức, ảnh hưởng đến danh dự của cả gia đình, bị xã hội lên án. Hiện nay anh Q đang chấp hành án phạt tù tại đội 58, phân trại số 3, trại giam P 4, Bộ Công an. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023, anh Q cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Đ. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về con chung*: Giữa chị Đ và anh Q có 03 con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 17/12/2009, Hoàng Thanh Th, sinh ngày 13/5/2015, Hoàng Hồng L, sinh ngày 01/10/2016. Sau khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được nuôi 03 con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh Q đang trong thời gian chấp hành án phạt tù và cũng nhất trí để chị Đ nuôi 03 con chung, nên cần giao 03 con chung cho chị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Hoàng Thị Đ được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 03 cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 17/12/2009, Hoàng Thanh Th, sinh ngày 13/5/2015, Hoàng Hồng L, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế và không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q;

Sau khi ly hôn, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước, xác nhận chị Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số: 0004265 ngày 03/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Chị Đ có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện TK;
- UBND xã X,
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Văn Viên